

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2021/DS-ST  
Ngày 24 - 6 - 2021  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Phạm Hồng Ân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2021/TLST- DS ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2021/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị t, huyện P, tỉnh C.

**Bị đơn:** Bà Trần Thị D, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị H (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 5, thị t, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện ngày 16/3/2021, các văn bản kèm theo và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Việt S trình bày:

Vào ngày 11/10/2020 bà Trần Thị D có mua điện thoại hiệu OPPO A53 và còn nợ tiền 4.860.000 đồng, quá trình mua bán bà D và bà H có ký biên nhận nợ ngày 11/10/2020. Đến ngày 11/11/2020 bà D có thỏa thuận sẽ trả nợ cho ông S nếu đến hạn bà D không trả thì bà H sẽ trả nợ thay cho bà Trần Thị D. Từ khi nợ tiền bà D và bà H có trả cho ông được số tiền là 810.000

đồng, còn nợ lại ông số tiền là 4.050.000 đồng cho đến nay, ông có liên hệ yêu cầu trả tiền nhiều lần nhưng bà D và bà H không thực hiện và cứ hứa hẹn cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị D và bà Nguyễn Thị H trả cho ông với tổng số tiền là 4.050.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị D và bà Nguyễn Thị H đúng quy định pháp luật. Nhưng bà Trần Thị D và bà Nguyễn Thị H vắng mặt và không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Tranh chấp giữa ông Nguyễn Việt S với bà Trần Thị D và bà Nguyễn Thị H được xác định là “Hợp đồng mua bán tài sản” là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bà Trần Thị D và bà Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại huyện Phú Tân thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ được quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị D và bà Nguyễn Thị H được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng bà Trần Thị D và bà Nguyễn Thị H không cung cấp chứng cứ và vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Trần Thị D và bà Nguyễn Thị H.

### **[2] Về nội dung tranh chấp:**

Ông Nguyễn Việt S xác định giữa ông và bà Trần Thị D có thỏa thuận mua bán tài sản cụ thể là vào ngày 11/10/2020 bà Trần Thị D có mua điện thoại hiệu OPPO A53 của ông và còn nợ số tiền là 4.860.000 đồng. Thời gian thanh toán là ngày 11/11/2020. Quá trình nợ tiền mua điện thoại thì bà D có ký biên nhận nợ ngày 11/10/2020. Cùng Biên nhận ngày 11/10/2020 bà Nguyễn Thị H có xác nhận thỏa thuận và cam kết sẽ trả cho ông S số tiền là 4.860.000 đồng nếu mà D không trả cho ông S. Từ khi ký nhận nợ đến nay bà D và bà H đã trả cho ông 810.000 đồng và còn nợ lại 4.050.000 đồng.

Bà Trần Thị D có nợ tiền của ông Nguyễn Việt S là thực tế xảy ra và để nợ quá hạn do bà D phải trả nhưng không thực hiện. Phía ông S đã nhiều lần yêu cầu bà D thực hiện nhưng bà D không thanh toán cho ông S, bà Nguyễn Thị H có thỏa thuận và cam kết sẽ trả số tiền trên cho ông S. Ông S có cung cấp một Biên nhận nợ lập ngày 11/10/2020 có nội dung về việc nợ tiền mua điện thoại, bà Trần Thị D và bà Nguyễn Thị H có ký tên đúng như ông S trình bày. Đối với bà Trần Thị D và bà Nguyễn Thị H không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện và chứng cứ do ông Nguyễn Việt S cung cấp, bà Trần Thị D và bà Nguyễn Thị H cũng không có yêu cầu phản tố. Do đó bà Trần Thị D và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ

liên đới trả nợ cho ông Nguyễn Việt S và buộc bà Trần Thị D và bà Nguyễn Thị H trả cho Nguyễn Việt S tổng số còn nợ là 4.050.000 đồng là có cơ sở. Tại phiên tòa ông Nguyễn Việt S không yêu cầu tính lãi suất nên không đặt ra xem xét.

[3] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nay buộc bà Trần Thị D và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 430, 440 của Bộ luật dân sự và áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Việt S. Buộc bà Trần Thị D và bà Nguyễn Thị H cùng liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền nợ là 4.050.000 đồng (bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Trần Thị D và bà Nguyễn Thị H cùng liên đới phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Việt S đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), tại biên lai thu tiền số 0017260 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay hoàn lại toàn bộ cho Nguyễn Việt S.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Ông Nguyễn Việt S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị D và bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Sơn Ngọc Trọng**